

PHẬT TỔ THỐNG KỸ

QUYỂN 9

CÁC TỔ THUỘC NGÀNH THỨ

PHẦN 1

A. Dòng thứ của ngài Nam Nhạc:

Đời thứ hai, gồm có:

Nam nhạc, Tăng Chiếu Thiên Sư.

Nam nhạc, Đại Thiện Thiên Sư.

Chi giang, Tuệ Thành Thiên Sư.

Lam cốc, Tuệ Siêu Thiên Sư.

Ba khâu, Tuệ Diệu Thiên Sư.

Tuyết phong, Tuệ Đông Thiên Sư.

Giang lăng, Tuệ Oai Thiên Sư.

Chung sơn, Trí Quyền Thiên Sư.

Tiên thành, Tuệ Mạng Thiên Sư.

Tân la, Huyền Quang Thiên Sư.

Chi giang, Tuệ Thôi Thiên Sư.

(Hai người sau đây thấy ở Nam nhạc kỷ).

Nam nhạc, Linh Biện Thiên Sư.

Nam nhạc, Tịnh Nhân Phương Hợp.

Dĩnh châu thứ sử Lưu Hoài Bảo.

(Ba vị sau này ở Nam nhạc Kỷ):

Quang châu, Ngũ Bách Gia Ba Tử Lập.

Phủ Nam nhạc, hai mươi tám vị ở Quận Ảnh Đường.

(Thấy trong Quang Sư truyện).

Nghiệp Cao Tứ Bách (vị sau đây thấy ở Thiên Sư Truyện).

Tín Trọng Tam Thiên.

Đời thứ ba: Nam Giản, Tuệ Mân Thiên sư (bốn vị sau đây nối Sư Huyền Quang).

Thăng Đường Thọ Biệt, một vị.
 Hỏa Quang Tam-muội, một vị.
 Thủy Quang Tam-muội, một vị.
 Hành Dương Lệnh Trần Chánh Nghiệp (thấy ở Thiên Sư
 Truyện)

B. Dòng thứ của ngài Trí Giả:

Đời thứ hai gồm có:

Thiên trúc, Chân Quán Thiên Sư.
 Ngõa quan, Pháp Hy Thiên Sư.
 Quốc thanh, Trí Việt Thiên Sư.
 Ngõa quan, Pháp Thận Thiên Sư.
 Quốc thanh, Phổ Minh Thiên Sư.
 Quốc thanh, Trí Tảo Thiên Sư.
 Phật lũng, Trí Hy Thiên Sư.
 Quốc thanh, Pháp Ngạn Thiên Sư.
 Lư sơn, Trí Giai Thiên Sư.
 Lư sơn, Đại Chí Thiên Sư.
 Ngọc tuyến, Đạo Duyệt Thiên Sư.
 Thiên lai, Đẳng Quán Thiên Sư.
 Hoa đảnh, Bát-nhã Thiên Sư.
 Cối kê, Lễ Tông Thiên Sư.
 Thê hà, Pháp Hưởng Thiên Sư.
 Ngọc tuyến, Hành Giản Thiên Sư.
 Quốc thanh, Tuệ Oai Thiên Sư.
 Bích giản, Pháp Tuấn Thiên Sư.
 Hưng hoàng, Tuệ Tướng Thiên Sư.
 Nam nhạc, Tuệ Trù Thiên Sư.
 Dương dương, Đức Bảo Thiên Sư.
 Tướng sơn, Đại Nhãn Thiên Sư.
 Phật lũng, Tuệ Biện Thiên Sư.
 Ngọc tuyến, Đạo Thế Thiên Sư.
 Thiên thai, Tuệ Thao Thiên Sư.
 Thiên thai, Huệ Phổ Thiên Sư.
 Ngọc tuyến, Pháp Thạnh Thiên Sư.
 Ngọc tuyến, Pháp Luận Thiên Sư.
 (Ba vị sau đây đồng dòng)
 Cối kê, Trí Quả Thiên Sư.

Chung nam, Pháp Lâm Thiền Sư.
 Quốc thanh, Trí Tịch Thiền Sư.
 Bạch mã, Kinh Thiều Thiền Sư.
 Định lâm, Pháp Tuế Thiền Sư.
 (Mười một vị sau đây ở Thiên thai Kỳ)
 Thiền chúng, Trí Lệnh Thiền Sư.
 Phụng thành, Pháp An Thiền Sư.
 Ngọc tuyền, Pháp Yển Thiền Sư.
 Quốc thanh, Đạo Tu Thiền Sư.
 Nhạc dương, Đàm Tiệp Thiền Sư.
 Ngọc tuyền, Nghĩa Thúy Thiền Sư.
 Quốc thanh, Sư Gián Thiền Sư.
 Quốc thanh, Như Lăng Thiền Sư.
 Phật lũng, Tuệ Xước Thiền Sư.
 Thiên hương, Pháp Duyên Thiền Sư.
 Tuệ nhật, Tăng Trân Thiền Sư.
 Ngọc tuyền, Pháp Tài Thiền Sư.
 (Bốn vị sau đây thấy ở Bách Lục)
 Ngọc Tuyền, Pháp Xán Thiền Sư.
 Ngọc tuyền, Đạo Tuệ Thiền Sư.
 Thập trụ, Đạo Trấn Thiền Sư.
 Trần Thiếu Đế (ở Thiên thai Kỳ).
 Trần Hoàng Thái tử.
 Trần Vĩnh Dương Vương.
 Tùy Dạng Đế (ở Thiên thai Kỳ).
 Ngọc tuyền Quan Vương (Thiên thai Kỳ).
 Trung Bình Tham Quân Trần Châm.
 Thái Trung Đại Phu Tướng Thiên Môn.
 Khai Phủ Nghi Đồng Trầm Quân Lý.
 Thượng Thư Tả Bộc Xạ Từ Lăng.
 Quang Lộc Đại Phu Vương Cố.
 Khai Phủ Nghi Đồng Liễu Cố Ngôn.
 Ngũ Binh Thượng Thư Mao Hỷ.
 Nho Sĩ Lương Phương Mậu.
 Khai Phủ Nghi Đồng Ngô Minh Triệt.
 (Hai vị sau đây ở Thiên thai kỳ).
 Nhạc Châu Thứ Sử Vương Tuyên Võ.
 Thị Trung Khổng Hoán (hai vị sau đây ở Trần Truyền).

Bộ Xạ Chu Hoàng Chánh.

Được nhập môn cả ngàn người (ở bia chùa Thiên lâm của Lương Thi).

Các Tổ kể trước kia là nói về Chánh thống, đến như hàng nối pháp thuộc ngành thứ thì từ ngài Nam Nhạc Tăng Chiếu Thiên sư trở đi đều là những người đủ sức dùng ánh sáng pháp vận để phù trợ Tông môn, khuyên dạy những học đồ ngăn chống sự chệch phá từ bên ngoài. Nay nhặt lấy các ngôn hạnh cốt yếu, khảo sát các duyên giữa thầy trò soạn nên phần lịch sử các Tổ sau:

A. DÒNG THỨ CỦA NGÀI NAM NHẠC:

Đời thứ hai:

1. Thiên sư Tăng Chiếu:

Sư nghe ngài Nam Nhạc giỏi về Tâm Quán nên đặc biệt đến tham yết và hiểu rất cặn kẽ những điều truyền thụ. Sau đó ngài Nam Nhạc bảo Sư tu Pháp hoa Tam-muội để phá bỏ túc chướng. Khi Diệu Hạnh sắp trọn thành thì Sư thấy Đức Phổ Hiền Đại sĩ cõi Bạch tượng vương đến phóng quang chứng sinh, lại chiêu cảm Đức Quan Âm nói pháp cho nghe. Do đó Sư đốn ngộ về huyền chỉ và được vô ngại biện tài. Ở trong chúng Sư luôn khổ hạnh thiền định đều ở hàng bậc nhất. Mỗi ngày Sư lấy dùng của chúng một dùm muối để ăn cơm, thấy lượng muối không bao nhiêu nên không lo lắng. Nhưng sau khi tu hạnh Phương đẳng chợt thấy tướng khởi lên. Tính ra trong ba năm số muối tăng lên đến mấy mươi hộc. Bèn vội bán y áo mua muối đền chúng thì tướng kia liền mất. Khi ngài Nam Nhạc nhập diệt, thì Sư tiếp lãnh chúng hành đạo không khác gì trước.

2. Thiên sư Đại Thiện:

Thuở bé Sư thường ở chốn đồng hoang rừng rậm và thường tụng Pháp Hoa. Sau đến tham học với ngài Nam Nhạc thì được khai ngộ về Quán Tuệ. Sư tu Pháp hoa Tam-muội được ngộ nhập rất cao sâu. Sư thường ở trong núi giảng Thích luận, chúng thời ấy rất kính phục. Đại đô đốc là Ngô Minh Triệt hỏi ngài Nam Nhạc rằng: Trong Pháp Hoa thiên môn thì bậc chân đức được mấy vị? Ngài Nam Nhạc bảo: hàng thâm tín có ba ngàn, hàng đạo nghiệp cao có bốn trăm, sư Tăng Chiếu là bậc được định cao sâu, sư Trí Khải thì nói pháp vô ngại, được cả hai việc trên là sư Đại Thiện. Về sao, Sư ngồi kiết già trong thiền đường

mà viên tịch. Trong suốt bảy ngày trời thường mưa hoa, có mùi hương la ngưng kết. Quan hành dương lệnh là Trần Chánh Nghiệp nghe đạo đức của Sư cao thanh luôn đến kính lễ được Sư chỉ bày pháp yếu lòng rất vui mừng. Về sau thấy quan nội sử là Trịnh Tăng Cảo nhiều lần khen ngợi đức của Sư. Có lần Chánh Nghiệp cùng thợ săn bao vây một bầy nai, nội sử gọi Chánh Nghiệp bảo rằng: Ông thường khen ngợi Thiện Thiên sư có sức Từ bi Tam-muội, nay ông làm gì với nai này? Chánh Nghiệp liền đốc xuất tả hữu đồng thanh niệm: “Nam-mô Đại Thiện Thiên Sư!” Ngay khi ấy bầy nai liền bay lên hư không mà đi. Tăng Cảo vô cùng kinh hãi kính phục (kinh Niết-bàn nói: Có năm trăm lực sĩ khiêng một hòn đá không nổi, Đức Phật bèn ném nó lên hư không, khiến các lực sĩ dứt hết tâm cống cao. Lúc đó thật không có việc nâng đá, nhưng sức từ thiện căn khiến thấy rõ việc này).

3. Thiên sư Tuệ Thành:

Sư họ Đoàn, người ở Phong dương. Lúc đầu đến thọ học ở chùa Thập trụ, tụng các kinh Pháp Hoa, Tịnh Danh, Thắng Thiên Vương hơn hai mươi quyển, dùng làm khóa tụng hằng ngày. Khi thọ giới Cụ túc xong liền đến Kiến nghiệp để học Thành Thật Luận. Chỉ nghe qua một lần suốt mười năm đã tóm lược cả văn và lý. Khi sắp trở về ấp nhà thì nghe ngài Nam Nhạc hoằng hóa rộng rãi bèn đến xin y chỉ. Ngài Nam Nhạc lấy các văn sách mà Sư dựa vào đó hiểu biết mà thách rằng: Cả đời học vấn của ông đem đốt tay ta chưa đủ nóng, uống mất công phu chẳng tiếc lắm sao? Sư nghe lời kích phấn liền đem bao nhiêu chương sớ ra đốt sạch, rồi mở to mắt ngồi thiền từ đầu hôm đến sáng, như thế suốt năm năm. Ngài Nam Nhạc khiến Sư nhập các Tam-muội, Phương Đẳng, Quan Âm, Pháp Hoa, Ban-chu, lần lượt tu qua các hạnh để phá trừ Túc Chương. Tu suốt ba năm thì được Giải Chúng Sinh Ngữ Ngôn Tam-muội. Khi Sư nhắm mắt ngồi thiền quán đạo thì sáng nhưng lúc mở mắt liền mất. Ngài Nam Nhạc than rằng: Sư Trí Khải trước phát Tam-muội rồi sau mới chứng Tổng trì, nay sư Tuệ Thành thì đuổi kịp. Hạnh giải của hai người cũng ngang nhau. Sư tiếp tục ở Chi giang (tên ấp) thuộc Kinh châu xây dựng chùa, trong điện còn thiếu một cây rường lớn. Bỗng thảng sáu nước sông dâng cao. Sư nằm mộng thấy trong sông có cây to có thể dùng làm rường nhà được. Bèn đến sông quả nhiên thấy cây. Ông Tín sĩ Đoàn Hoằng làm chủ tỉnh xá bỗng ngã chết, bèn mời Sư đến nhà. Khi đó Hoằng tỉnh lại thưa rằng: Lúc đầu con bị bắt đến vua Diêm vương, con thấy Sư ngồi trên điện bảo rằng: “Tôi và người này đang cùng làm công việc chưa xong xin Đại vương tha cho.”

Vua đứng dậy đánh lễ chấp nhận.

Trần Hậu Chủ nghe danh đức của Sư bèn mời đến. Sư quả quyết không đi. Hậu Chủ lại sai Giang Tổng đến rước và dọa rằng: “Nếu Sư không đến thì chớ trở về!” Sứ giả khóc lóc ép Sư lên thuyền. Sư bèn phóng mình xuống nước và đứng giữa sông. Sứ giả lại cầu xin: “Nếu ngài không chịu đi thì bọn tôi nát thân không có đất chôn!” Sư thương tình bèn theo đến cửa Khuyết. Vua đích thân thỉnh giới pháp và ban cho chỗ ở là Thiên tuệ tự. Có vị Thường Luật sư qua đó, cùng ngủ đêm với Sư. Vị này bắt rận ném xuống đất. Sáng đến lúc sắp giả biệt Sư bảo: “Đêm rồi có một vị thí chủ bị lạnh giá rất đáng thương!” Thường Luật sư rất hổ thẹn, quyết lấy đó răn mình.

Một hôm Sư bảo môn nhân: Hãy gấp xây cái thêm điện, ta sẽ giảng Niết-bàn. Khi xây xong thì lập tòa giảng kinh, cũng đúng lúc ngài Trí Giả ở Ngọc tuyến vừa đến và cùng Sư luận bàn huyền lý, một lúc lâu Sư nhập định và thị tịch.

4. Thiên sư Tuệ Siêu:

Sư họ Trầm, người Đôn dương. Lúc nhỏ vào đạo tụng Pháp Hoa. Nghe Tư Thiên sư ở Quang châu nói biết chỗ nhiệm mầu của Tam quán bèn cùng Mạn Thiên sư ở Tiên thành Thiên thai đến xin theo học. Sư Tư ở giữa đại chúng khen rằng Thần phủ của Siêu đã đạt đến bậc Nhẫn nhân. Sau Sư vào núi Tung ngâm thuốc bổ mà tọa thiền Tỳ Thái tử là Dõng cho triệu tập các bậc Danh đức hội chung ở Kinh sư, vì đức hạnh của Sư cao vời nên riêng lưu Sư ở lại để cúng dường. Có Tịnh Nghiệp Pháp sư ẩn cư tại Lam cốc vì khâm phục đạo đức cao quý của Sư nên thân đến đón rước Sư về cùng ở suốt tám năm để bồi dưỡng Tam Tuệ. Năm Đại Nghiệp thứ nhất, vua nhiều lần ban chiếu mời Sư vào cung thuyết pháp. Nơi Sư ở thường có mấy con hổ đến hầu hạ. Những Kinh sư tụng hằng ngày trong hơn năm mươi năm có đến vạn bộ. Những bậc nổi tiếng ở Kinh ấp như Tuệ Nhân, Bảo Cung... đều đến nương tựa để xin thỉnh ích. Về sau Sư ngọa bệnh đã dạy môn nhân rằng: Sống không vui mà chết cũng không lo buồn đó là lẽ thường của ta. Đệ nhất nghĩa không, thanh tịnh chánh quán là ghế tựa của ta. Rồi ngồi xây mặt về hướng Tây mà nhập định. Sư di chúc cho môn đồ hãy để nhục thân của Sư dưới cội tùng làm thức ăn cho cầm thú. Đệ tử nghe theo. Nhưng suốt cả tháng nhan sắc Sư vẫn không biến đổi, đêm đến lại có ánh sáng trời từ thân phát ra. Bấy giờ Tần Vương là Thế Dân nghe thấy (Đường Thế Tông) sai người đến xem, khen ngợi là việc hy hữu. Đại chúng bèn xây tháp và để toàn thân mà phụng cúng.

5. Thiên sư Tuệ Diệu:

Sư họ Kỳ, người ở Tương dương. Lúc đầu theo ở với ngài Nam Nhạc được mấy năm, nhận được tất cả thâm diệu của Tâm Quán. Ngài Nam Nhạc ấn khả rằng: “Đối với thật tướng kỳ quán ông đạt được rất sâu xa, vậy hãy tìm nơi hành hóa để đáp lại bản chí.” Khi ngài Nam Nhạc đã viên tịch, Sư đến Ba Khâu và than rằng: Nơi đây ít được nghe thiền pháp, vậy cần nên khai thị.” Có Đạo Ý Thiên sư đón Sư đến ở tại chùa Đạo nhân, Sư chuyên về thiền tịch không giao tiếp việc đời. Suốt mười bốn năm chưa từng ra khỏi cửa. Một hôm mọi người bảo rằng: Vì không muốn làm phiền mọi người nên ta muốn đến chùa Nội hoa để ở yên, chúng lưu giữ Sư không được. Được ba năm, Sư lâm bệnh thấy hai ngài Nam Nhạc và Tiên Thành đến đón, gọi Sư bảo: Hãy cùng đến Tịnh độ. Sư liền ngồi kiết già mà thị tịch. Đồ chúng an táng Sư tại chùa Nội hoa.

6. Thiên sư Tuệ Dũng:

Sư thọ học Pháp hoa Tam-muội và hành pháp ở Nam nhạc. Từ lâu bèn được chứng nhập. Sư liền ẩn tịch cùng núi mây không giao tiếp với đời, suốt hơn sáu mươi năm chuyên tâm tu thiền định. Trong khi xuất định mà tâm vẫn không dính dáng tới việc khác. Sư chỉ tụng kinh Pháp Hoa lại chứng được Hỏa quang Tam-muội. Không biết Sư mất ở đâu.

7. Thiên sư Tuệ Oai:

Sư người Giang lăng. Sư nương tựa ngài Nam Nhạc tu Pháp hoa Tam-muội và chứng được Giải Nhất Thiết Chúng Sinh Ngữ Ngôn Đà-la-ni, khi nghe tiếng người hoặc cầm thú thì đều biết được tình ý. Về sau Sư lại chứng được thân thông bay trên không hoặc đi trên nước như bước trên đất bằng.

8. Thiên sư Trí Quyên:

Sư sớm gần gũi ngài Nam Nhạc tu Pháp Hoa Tam-muội và chứng nhập rất sâu. Sư ẩn cư ở Chung Sơn chưa từng ra khỏi cổng. Vua Tùy Dạng Đế nhiều lần chiếu triệu. Sư gắng gượng chỉ đến một lần, vua thỉnh hỏi về Pháp Yếu và phong Sư làm Quốc sư.

9. Thiên sư Tuệ Mạng:

Sư người ở Tiên Thành Thiên thai. Sư đến tham học với ngài Nam Nhạc. Khi nghe nói về Tam quán thì Sư thâm ngộ về huyền chỉ và được vô ngại biện, thuyết pháp như rót nước. Khi sắp lâm chung Sư răn dạy môn nhân cần phải tinh tấn phạm hạnh. Chúng bỗng thấy Đức Phật A-di-đà và Đại sĩ cùng đến đón rước, liền theo Phật bay lên hư không đi về hướng Tây.

10. Thiên sư Huyền Quang:

Sư người Tân la, Hải đông. Sư xa vượt biển khơi mà đến cầu pháp ở Trung hạ. Trước tiên sư được ngài Nam Nhạc truyền cho Pháp Hoa An Lạc Hạnh Môn, tu học chuyên cần, không bao lâu Sư chứng được Pháp hoa Tam-muội. Ngài Nam Nhạc gọi bảo rằng: Ông trở về cố quốc hãy quyền biến khéo léo mà hóa độ, như nhờ con sâu tơ mà có được con tò vò vậ (kinh Thi - Con sâu tơ có con, con tò vò mang về tổ nuôi dạy như con ruột khi lột xác thì giống nhau - Dương Tử nói: Con của sâu tơ chết, tò vò gặp bảo: A, đồng loại, đồng loại!). Sư liền đánh lễ từ giả ngài Nam Nhạc chống tích trượng trở về Giang nam. Được gặp thuyền lớn của nước mình cho quá giang. Khi đến giữa biển chợt thấy có ánh mây lóa mắt, tiếng nhã nhạc vang rền trên không, ánh sắc cầu vồng, cờ xí rợp trời ùn ùn kéo đến. Trên không trung có tiếng bảo rằng: “Thiên đế mời Hải Đông Huyền Quang Thiên Sư!” Sư vòng tay từ tạ. Liền thấy các Thanh Y cung kính đến trước giây lát đưa Sư vào cung khuyết rộng lớn thì thấy quan chức xếp hàng loài rồng lẫn lộn với quỷ thần, đều kính cẩn nghênh đón, thưa rằng: Thiên đế giáng xuống Long cung tôi, xin mời Pháp sư nói những pháp môn mà ngài đã chứng, chúng tôi được ích lợi không nhỏ. Bấy giờ Sư lên điện và bước lên cao tòa. Thiên đế chào hỏi Sư. Sư liền giảng kinh suốt bảy ngày thì xong. Thiên đế đích thân tiễn sư. Khi về đến nơi thì thuyền vẫn còn bồng bênh chưa đi. Sư lên thuyền, người trên thuyền bảo là chỉ mới nửa ngày thôi (Thiên Thân khi sinh lên cung Đâu-suất chỉ một lần đi nhiều quanh tòa của Đức Di-lặc báo về cho ngài Vô Trước biết là đã qua sáu tháng. Đây là nói trên Thiên Cảnh có thời gian thường dài. Nay Sư Huyền Quang nói pháp ở Long cung suốt bảy ngày khi trở về thuyền thì chỉ mất có nửa ngày thôi. Đây nghiệm ra ngày đêm ở Long cung thường ngắn. Hoặc muốn lấy đây để so sánh với phẩm Địa Dũng nói sáu mươi Tiểu kiếp bằng khoảng một bữa ăn. Căn cứ vào số ký thì sáu mươi tiểu kiếp đó không phải không do sức gia bị của Phật vì quên nên cho là lâu. Thế nên biết nay ở Long cung không phải là cõi Phật, lại không do Phật gia bị nên ứng với ở Long cung nói là bảy ngày thì người trên thuyền cho là nửa ngày. Các người cố chấp thì cho là thật. Như ngài Kinh Khê nói buổi ăn sáu mươi tiểu kiếp, chỉ có ý nói không phải thực ngắn vậy).

Khi sư đã trở về nước liền ở tại ông Sơn thuộc Hùng châu kết tranh làm nơi ở, tập chúng để nói pháp, lâu dần trở thành một Bảo Phướng. Chúng đến học đạo đều được khai ngộ. Chúng thặng dưỡng được thọ ký có một người, có một người nhập Hỏa quang Tam-muội, có hai người

nhập Thủy quang Tam-muội. Trong đồ hình hai mươi tám vị của Nam nhạc Ảnh Đường có Sư.

11. Tịnh Nhân Phương Xá:

Ông thường ở tại Nam nhạc Bát-nhã Đài để giúp việc cho chúng Tăng. Ông mật tu thiên quán và đã chứng ngộ, lại có thần thông. Mỗi khi ông duỗi cánh tay ra thì dài hơn một trượng.

Dòng pháp Tân La Huyền Quang Thiên sư

Đời thứ ba Thiên sư Tuệ Mân:

Sư người Hà đông, chín tuổi xuất gia. Sư tụng kinh Pháp Hoa mỗi lần suốt một tháng. Đến năm mười lăm tuổi, Sư theo học với Huyền Quang Thiên sư, tài giỏi vượt trội, người ta khen là Tú sĩ. Ở đó suốt mười lăm năm, Sư trở về Hải viêm thuộc Gia hòa, làm chủ chùa Quang hưng. Khi Sư giảng diễn kinh Pháp Hoa thì chúng nghe trên không trung chư thiên khảy móng tay có mùi hương lạ đầy nhà. Về sau Sư đến chùa Thông huyền họp chúng hành đạo. Suốt mười bảy năm không hề ra khỏi cổng. Đời Tùy mật thiên hạ loạn ly, vùng Ngô việt đói kém tứ chúng phải chạy đi lánh nạn chỉ có Sư liều chết ở lại tu thiền. Đầu đời nhà Đường Sư thiên cư về chùa Nam giản (ở Kiến Khang) có hai chú thỏ và một báo con theo hầu bạn. Một hôm đại chúng nghe có mùi hương lạ và tiếng nhạc trời bèn tranh nhau đến hỏi Sư. Sư bảo ngày kia ta sẽ ra đi. Cuộc sống tạm trên đời chỉ như đám phù vân, hãy gấp tìm cách vượt thoát. Và đúng hẹn Sư quả nhiên viên tịch.

B. DÒNG THỨ CỦA TRÍ GIẢ ĐẠI SƯ

Đời thứ hai:

1. Thiên sư Chân Quán:

Sư tự là Thánh Đạt, họ Phạm, người Tiền Đường. Người mẹ tụng phẩm Dược Vương và Quan Âm để cầu tự bèn sinh ra Sư. Lưỡi Sư có vân tía, tay có tướng lạ. Tuổi còn nhỏ đã thông minh hiểu suốt các kinh sử. Có thầy xem tướng giỏi bảo Sư rằng: Cậu trai kia sẽ trở thành Đại khí cơ sao để vương lưôi trần? Sư định xuất gia nhưng cha mẹ không cho. Đêm đến mộng thấy thiên thần bảo rằng: Con các người là bậc anh tài của Phật pháp sao lại giam nhốt? Từ đó cha mẹ cho Sư được thỏa chí. Lúc đầu Sư đọc Thập Tụng Luật và Thành Thật Luận, vừa mở quyển một, đêm mộng thấy thần bảo rằng: Thầy là pháp khí Đại thừa chớ nên theo Tiểu thừa. Đời Trần, Vĩnh Dương Vương là Bá Trí sớm hầu Sư, sai sứ đến đưa Sư vào gặp tổ Trí Giả. Sư đưa thư làm lễ vật, Trí Giả cho

tuổi tác bằng nhau nên đối xử như anh em cùng cao luận về Tịch Chiếu, vàng đá xen nhau. Người bấy giờ bảo rằng: “Tiền Đường có Chân Quán gồm thâu nửa thiên hạ.” Ngài Đại Nhẫn Thiên sư thấy khen rằng: “Đạo của Tổ Long Thọ hưng thịnh ở phương Đông.” Lúc đó triều đình đánh nhà Chu bị thua (đời Trần Tuyên Đế, năm Đại Kiến thứ mười, sai Ngô Minh Triệt Bắc phạt nhà Chu, đánh thua, bị nhà Chu bắt). Hội họp định rằng những Tăng không tên tuổi thì cho hoàn tục. Sư bèn viết thư đến Quan Tả Bộc Xạ Từ Lăng nên việc ấy bèn dẹp bỏ. Thời Tùy Văn Đế, vua ba lần sắc lệnh mời hỏi, Tần Hiếu Vương Tổng Quản là Duy Dương hai lần mời thỉnh nhưng Sư đều lấy cơ bệnh không đi. Sư cùng ngài Đạo An Thiên sư tu hạnh đầu-đà ở Linh ẩn sơn. Năm Khai Hoàng thứ mười bốn, trong Quận có hạn hán lớn. Thứ sử Lưu Cảnh An thỉnh Sư giảng kinh Hải Long Vương. Khi đọc tựa Vương Nghĩa vừa xong thì chợt mưa ào xuống. Năm Khai Hoàng thứ mười lăm, Sư mới xây tinh xá hiệu là Nam Thiên Trúc. Sư lấy việc giảng kinh Pháp Hoa làm chính hoặc thọ trì đọc tụng, đích thân viết chép năm thứ Pháp Sư chép đầy đủ. Mỗi khi rửa tay Sư giữ từng giọt nước không phí phạm. Có một ông lão hàng ngày đến nghe kinh. Sư đón hỏi, bèn đáp: Đệ tử là Long vương ở núi này. Sư hỏi: “Sao hạn lâu quá mà không mưa?” Ông lão đáp: “Vì dân ở núi này không biết đã đục đứt mất mạch núi, các rồng không yên nên khiến như thế. Nếu ngài truyền giới cho Rồng khuyên họ hướng về đạo thì mưa sẽ có ngay.” Sư nhận lời, liền làm lễ mời các Rồng và truyền cho giới Bồ-tát, ngay lúc đó liền có mưa. Đêm ấy có người áo đỏ mũ cao đến đánh lễ Sư và tạ ân. Sư nhân đó hỏi rằng: “Những năm gần đây có nhiều hạn hán là sao?” Rồng đáp: “Vì nhiều người không có chánh tín, gây nhiều ác hạnh. Do đó trời giận nên các dòng nước làm tốt đất chìm xuống sâu. Ngũ cốc kết hạt nhưng không đủ nước, hạn hán cạn kiệt bất thường, cố nhiên là bởi nguyên do đó”.

Tháng tư mùa Hạ năm Đại Nghiệp thứ bảy, Quận Tư Mã là Lý Tử cố thỉnh Sư ra khỏi chùa Chúng thiên để giảng kinh Niết-bàn. Ngày xuống núi thì Sư đích thân cấm nêu đánh dấu nơi an táng mình. Khi Sư giảng đến phẩm Hiện Bệnh thì mộng thấy có ba người đến đánh lễ thưa rằng: “Trời Tịnh Cư sai chúng con đến đón Thiên Sư.” Ngày sáu tháng sáu Sư ngộ bệnh, mộng thấy cùng ngài Thiên Thai ngồi xe báu của Phật mà về núi. Khi tỉnh giấc than rằng: Xưa sáu mươi hai tuổi đã đáng chết, vì giảng Pháp Hoa nên ráng sống thêm một kỷ. Nay đã bảy mươi bốn tuổi lại có điềm ứng này là mạng số đã hết. Sư bèn tập chúng dạy rằng: Muốn ra khỏi sinh tử, muốn đầy đủ Phật pháp thì phải giữ

gìn giới luật, tu định học tuệ, hoằng truyền chánh pháp chớ để luống qua. Đến ngày mừng một tháng bảy, chúng nghe có tiếng kỹ nhạc trên không trung Sư liền ngồi kiết già viên tịch. Kẻ đạo tục mỗi ngày hiến cúng có đến cả ngàn người. Đến ngày hai mươi sáu dung mạo của Sư vẫn tươi tắn, lông mày mọc dài ra. Khi ấy từ chùa Chúng thiền các môn đồ đời Kim quan đến an táng nơi đất mà Sư đã chọn từ trước. Bốn bộ đại chúng đi đưa dài cả một do-tuần, khói hương rợp trời do đạo đức của Sư mà cảm được như thế (Sư là thủy tổ ở Thiên Trúc Linh Sơn. Ngài Chương An có soạn Biệt Truyện về Sư, bản ấy nay không còn. Đến đời Sư Tường Vân có trùng tu lại tháp Sư và làm sáu bài thơ ghi lại để mọi người biết. Trong bài tựa có thể tóm tắt rằng: Nay cửa tháp tự mở, không còn di vật. Không biết toàn thân đã theo Phật Đa Bảo hay hóa vãng giống như tượng Phật Lũng).

2. Thiên sư Pháp Hỷ:

Sư cố gắng học tập không biết mệt mỏi, đã từng tham vấn các bậc tri thức đến mười bảy vị và được đại ngộ. Năm Sư sáu mươi tuổi mới gặp được tổ Trí Giả tại núi Đại tô. Chỉ một lần nghe được Pháp Âm liền được thâm chứng. Từ đó giải tán hết học chúng chỉ chuyên tu thiền tuệ. Đời Trần, năm Quang Đại thứ nhất, Sư và hai mươi bảy bạn đồng học theo tổ Trí Giả cùng đến Kim lăng du hóa. Quan thượng thư Mao Hỷ đùa bảo: Thầy còn trẻ mà sao trò đã già! (lúc đó Trí Giả ba mươi tuổi).

Sư đáp: Thờ thầy ở đức chớ đâu luận gì tuổi tác.

Lại hỏi: Thế nào là đức?

Sư đáp: Khéo giảng nói pháp là hậu thân của Phú-lâu-na. Phá ma đắc đạo là Ưu-ba-cúc hiện tại.

Mao Hỷ thích câu đối đáp ấy, luôn khen ngợi Sư ở triều đình, kể rõ việc Sư tu Phương đẳng Tam-muội. Có một con trỉ đến đòi mạng Sư, Thần Vương trách rằng: Thiên sư sẽ vãng sinh Tịnh độ tức đang sống mà đắc đạo há đến mạng cho người sao? Về sau ở chùa Ngõa quan sư ngồi kiết già nhập định và thị tịch luôn.

3. Thiên sư Trí Việt:

Sư họ Trịnh, người Nam dương. Cha hỏi vợ cho. Sư cực lực từ chối bằng cách đi xuất gia ngay. Sư du phương đến Kim lăng thì gặp tổ Trí Giả. Sư kính cẩn xin học đạo. Cả năm môn sáu diệu, Sư đều thông suốt. Sư tụng kinh Pháp Hoa trọn một vạn bộ. Khi tuổi già tổ Trí Giả trở về ở núi Thiên thai, giao bốn chúng nhờ Sư dẫn dắt. Suốt hai mươi năm khéo léo dạy dỗ. Sư đức độ khoan dung, học giả đều hướng về. Nơi Sư

ở bình luôn đầy nước. Từ khi Tấn Vương cất chùa và lên ngôi vua, nếu trong núi có cử Tăng sứ đến chúc mừng thì Sư luôn đứng đầu. Triều đình càng thêm hết lòng kính trọng xem như ngài Trí Giả hiện tiền không khác. Mỗi khi có người cúng thí để làm công đức thì Sư không hề chừa giữ. Ngày hai mươi ba tháng mười một năm Đại Nghiệp thứ mười hai, Sư cáo biệt chúng Tăng rồi nằm nghiêng bên phải mà thị tịch. Gió thổi mây sủu, đất động núi sụp, trời mưa hoa lạ, một cảnh u ám tối tăm.

4. Thiên sư Pháp Thận:

Lúc đầu Sư ở chùa Đại trang nghiêm tại Kim lăng. Sư theo tổ Trí Giả thọ học Tam quán hoát nhiên thâm chứng. Nhân Định mà phát trí, một lần nghe qua đều nhớ kỹ. Đời Trần, năm Đại Kiến thứ ba, tổ Trí Giả ở Ngõa quan nói về Thứ đệ thiên môn. Sư được nghe liên tục, ghi riêng được ba mươi quyển, chưa kịp sửa chữa. Chẳng may Sư viên tịch sớm. Sau này ngài Chương An sửa lại còn mười quyển tức bộ Thiên Ba-la-mật Tiệm Thứ Chỉ Quán.

5. Thiên sư Phổ Minh:

Sư họ Chu, ở Cối kê. Thuở nhỏ đã có chí lạ, thường nhóm cát làm tháp, cắt cỏ lao làm điện. Có vị Tăng khát thực thấy bảo rằng: Cậu trai kia có thiện căn hãy đến Thiên thai mà xuất gia, ở đây có vị Sơ Y Bồ-tát hiện thân thuyết pháp. Đời Trần năm Đại Kiến thứ mười bốn, Sư đến Thiên thai gặp tổ Trí Giả giảng kinh, học chúng vừa tan, Sư đánh lễ xin quy y. Tổ Trí Giả cười bảo: Nguyên lực đời trước nay lại gặp nhau. Do đó Sư lại hầu hạ Tổ và chuyên cần học tập Thiên Pháp tu các hạnh Phương Đẳng, Bát-nhã Tam-muội, tụng thông suốt Pháp Hoa. Sau theo tổ Trí Giả lên ở Lô Sơn, ngụ tại gác Đào Khản Đoan Tượng, tu hạnh thỉnh Quan âm Tam-muội. Mùa đông rét dữ nhưng sư không cần mặc áo bông. Trong lúc hành Đạo thấy có một dị Tăng gọi bảo: Người tên là Pháp Kinh nhưng chưa hay lắm hãy đổi lại là Phổ Minh. Đây là nói sự sáng suốt nghĩa là có thể hiểu suốt cả ba đời. Tổ Trí Giả nghe biết liền bảo: Đã được thâm chỉ vậy phải theo tên mới. Tổ Trí Giả về ở tại Ngọc tuyên khiến đức Đại Hồng Chung để ở Phật lũng bèn khuyên các hàng đạo tục ở Giang lăng đua nhau làm việc. Bỗng nhiên có một người mù đến xem. Sư biết là điềm không tốt, cây mô nở quả lép, bèn cố hết sức để đức chuông lại. Nhưng vì dạn dò chưa kỹ nên chưa đúng mức, thế nên tiếng chuông chỉ vang xa có bảy mươi dặm. Kịp khi Sư đến ở chùa Quốc thanh, bấy giờ việc lấy nước dùng rất khó khăn. Sư chỉ tay vào đá bảo: Đá này phun nước ra chẳng sướng ư? Thế là suối liền phun mạnh mỗi ngày cấp nước dùng cho cả ngàn người. Có lần Sư đúc tượng

Lô-xá-na cao một trượng sáu, cảm đến bậc Di Nhân cho vàng để giúp đỡ. Giảng đường chùa Quốc thanh nhỏ hẹp, Sư muốn mở rộng ra, ngài Chương An khuyên chớ nên sửa đổi. Bỗng có Đô đốc ở Quát châu là Châu Hiếu Tiết (Đời Trần Tùy gọi Ôn Châu là Quát Châu) cho cột sam chở thuyền biển đem đến. Khi đó ngài Chương An ở tại Xích thành, bỗng thấy thân Sư dài hơn mười trượng, cao hơn cây rừng, có mấy mươi người theo hầu, nói: “Chương An chớ nên cực khổ can ngăn, việc ta làm sẽ thành.” Ngài Chương An thấy việc thần dị, bèn hướng về phía rừng chấp tay kính cẩn thưa rằng: Xin tuân theo sự hoạch định của nhân giả. Đến ngày xây cất giảng đường, có Thần núi ẩn mình đến dự. Thế mạnh như sấm sét, cây đổ cành gãy trong mỗi bước đi, từ Phật Lũng xuống đến chùa. Buổi chiều tối lại trở lại tiếng vang động như hồi mới đến. Ở phòng kế bên nghe Sư cùng Thần chuyện trò. Sư khuyên Thần làm lành. Khi xây giảng đường xong. Chợt thấy Sư mặc áo rách nói lời từ biệt cùng chúng rồi an nhiên ngồi thị tịch. Sư có ba ngón tay ở bàn tay trái co lại để làm tin. Sư không chứa của riêng, đem tất cả tiền được cúng thí để tạo ra mười tượng bằng vàng và đồng. Sư xem qua Đại Tạng hai lượt. Mỗi khi muốn làm các việc lợi ích thì chỉ cần một lần vận tâm vàng lụa đều có.

6. Thiên sư Trí Tảo:

Sư họ Trương, người ở Lâm hải. Cha là Hoài Sĩ. Đời Trần làm chức Trung binh tham quân. Năm Sư mười bảy tuổi thì song thân đều qua đời. Để tang xong Sư bị nhiễm bệnh dùng thuốc đã lâu mà không hết. Bèn cố sức chạy nhanh ra sân đến chỗ nào có ánh trăng thì nằm, chí tâm niệm Nguyệt quang Bồ-tát, hệ niệm suốt cả tuần nhật (mười ngày). Đêm đến mộng thấy có người dùng miệng hà hơi khắp thân mình. Như thế suốt ba đêm thì lành bệnh. Nhân đó đến xuất gia ở chùa An tịnh. Khi nghe tổ Trí Giả là bậc Đạo sư ở đời bèn đến xin thọ học tu Pháp hoa Tam-muội. Đến ngày thứ mười, đầu hôm sám hối xong định đến giường ngồi thì thấy Rồng chín đầu từ đất bay lên không trung. Tổ Trí Giả giải thích rằng: “Đây là biểu hiện cho chín đạo chúng sinh nghe kinh Pháp Hoa, sắp phá tan đất vô minh mà nhập vào khoảng không pháp tánh.” Sư có lần đến chùa Bảo lâm lễ sám. Đầu hôm có người đến lay cánh cửa. Sư hỏi: Ai đó? Đáp: “Tôi là người xem đèn.” Có Thành Thiên sư nghe biết liền bảo: “Nhà này có quỷ dữ, đó là tiếng quỷ nói”. Liền tâu lên Vĩnh Dương Vương, vương sai mười người cầm gậy gộc đến bảo hộ. Sư từ chối bảo rằng: “Mạng sống chỉ do nghiệp quyết định mà thôi”. Đêm ấy quỷ vào nhà cầm chùy đập vách phá cột khắp nơi.

Sư vẫn hành đạo thiền tụng thần nhiên không sợ sệt. Suốt hai mươi mốt ngày sự việc vẫn như thế. Khi Sư hành pháp gần xong thì có một cậu bé mặc áo xanh khen ngợi: “Lành thay!”, nói xong liền biến mất. Sư nhân đi sang Cối kê, giữa đường đi khát thực ở Viêm huyện, Chủ nhà làm cúng dường nắm độc, Sư ăn xong lên đường ngay, Chủ nhà ăn vào đều ói mửa, liền nhanh chóng nhờ hàng xóm gấp đuổi theo Sư khoảng mười dặm nói cho biết. Sư cười bảo: Bản đạo may mắn không sao cả. Năm Đại Nghiệp thứ nhất, vua Tùy Dạng Đế đi tuần du đến Dương châu. Sư ở chùa Quốc thanh tuân lệnh quan ngự sử đến hành cung, được dẫn vào nội điện tiếp kiến, vua ban phép ngồi và ủy lạo. Xong vua sai thông sự xá nhân là Lư Chánh Phương đưa Sư về núi. Vì tổ Trí Giả thiết lễ trai đãi một ngàn Tăng và độ một trăm người. Trước sau tám lần Sư vào yết kiến vua. Mỗi lần chúa thượng đều dùng trọng lễ tiếp đãi. Đời Đường, năm Trinh Quán mười hai, Sư không bệnh tật ngồi ngay mà nhập diệt, thọ tám mươi ba tuổi.

7. Thiên sư Trí Hy:

Sư họ Trần, người Dĩnh xuyên. Tổ tiên làm quan ngụ ở đất Việt. Năm hai mươi tuổi Sư đến thế độ với tổ Trí Giả, nhận được thiền quyết, sớm chiều chuyên tâm không hề mỗi mệt. Khi tổ Trí Giả viên tịch, Sư vâng lệnh ở lại Phật lũng. Khi ấy người tu hạnh Tam-muội khá thanh hành, điện đường càng mở mang, quy chế rất nghiêm túc, chỉ có Đài hương chưa có giá để. Trên ngọn Hương lư có nhiều cây Xanh bách, Sư muốn đốn về dùng, nhưng chúng nghi là Thần chiếm giữ riêng. Đêm Sư mộng thấy Thần tặng cho một ít gỗ làm nhà. Bèn sai người ra đốn. Chúng trong chùa có sư Pháp Vân muốn lên đỉnh núi để tọa thiền. Sư ngăn lại bảo rằng: Đạo lực của ông còn yếu kém, Sơn thần thì mạnh mẽ, vậy không nên đi. Vân không nghe ông ấy lên núi ở lại một đêm, Thần hiện nguyên hình đuổi về. Thuở xưa tổ Trí Giả khuyên cư dân ở ven sông nên cất nhà Ấp lương để làm ao phóng sinh. Chưa được mấy năm thì họ đi đánh bắt lại. Sư cùng sư Chương An đến lễ tháp tổ Trí Giả, đốt hương chú nguyện. Có người đánh cá thấy có vị Tăng đứng trên ấp cho là bị té xuống nước bèn chèo thuyền đến cứu, bỗng không thấy ai cả. Dân ở đó thấy linh nghiệm bèn không đi đánh bắt nữa. Bấy giờ thú thì kêu rống thảm thiết, còn chim thì tụ tập bay lượn suốt mấy ngày không thôi, tiếng chuông đồng ở Đông sơn vang rền chấn động cả hang núi. Sư bảo: Đây là mời ta đó. Bèn dùng nước thơm tắm gội rồi ngồi kiết già cầm cây như ý và nói pháp giây lâu yên lặng, chúng bèn gào khóc. Sư mở mắt dạy rằng: Có sinh tất có diệt can chi mà buồn

khóc. Có người hỏi Sư sinh cõi nào. Sư bảo: Theo giấc mộng của ta thì sinh vào cung Đâu-suất, vì cung điện màu xanh, cõi trời phía Tây bắc (kinh Niết-bàn nói: Vì trời Đâu-suất thích màu xanh nên dùng Thanh sắc Tam-muội để phá cái hữu của cõi trời này). Ta thấy thầy ta, những người hầu chung quanh ngài đều ngồi trên bảo tòa, có một tòa trống, ta hỏi duyên cớ, họ đáp: “Sáu năm nữa Đỉnh Pháp sư sẽ lên ngồi ở tòa này mà thuyết pháp.” Sư thường đến bảo tháp A-dục vương, lay tám vạn bốn ngàn lay nên cảm được lần tía in vào tay Sư vuông vắn sáng rõ. Khi sắp lâm chung Sư bảo đệ tử rằng: Thánh chúng đã ấn khả cho ta, ta nay vãng sinh vào nội viện Di-lặc. Chợt nghe tiếng đàn sáo, Sư liền ngồi kiết già mà hóa. Lúc đó là ngày mười tám tháng mười hai năm Trinh Quán thứ nhất.

8. Thiên sư Pháp Ngạn:

Sư họ Trương ở Thanh hà. Đời Trần, năm Đại Kiến thứ bảy, Sư hầu tổ Trí Giả ở Thiên thai, được Tổ truyền trao ý chỉ Thiên na. Sư thường ngồi yên trong rừng vắng, không ở trong phòng nhà. Thường nhập định đến bảy ngày mới xuất định. Tổ Trí Giả chứng rằng: “Như chỗ ông nói là quán tướng thứ hai trong Bội xã quán. Sơn thần nhiều lần quấy nhiễu để thử thách, Sư vẫn điềm nhiên không cho là động. Sư chuyên tu thiên pháp, hơn ba mươi năm thường ngồi yên không nằm. Đến tháng hai năm Đại Nghiệp thứ bảy đời Tùy, Sư ngồi kiết già ở chùa Quốc thanh mà viên tịch.

9. Thiên sư Trí Giai:

Sư họ Hạ Hầu, người ở Dự chương. Sư rộng thông ba luận nổi tiếng đương thời. Kịp khi gặp được tổ Trí Giả thọ học thiên pháp liền được khai ngộ sâu sắc. Buổi vãng niên Sư vào ở Lư sơn xây cất tinh xá Đại lâm, quyết chí tu thiên, sự chứng đắc của Sư khó lường biết được. Hơn hai mươi năm Sư không hề xuống núi. Vua Tùy Văn Đế triệu Sư vào kinh, Sư tạ bệnh không đi. Quận thú Dự chương thỉnh Sư giảng Pháp Hoa, Sư cố thoái thác bảo rằng: “Ta sẽ chết ở tại núi này thôi!” Thế nên cả đạo tục đều khẩn thiết thỉnh cầu. Sư miễn cưỡng ra làm, khi giảng kinh chưa xong, quả nhiên Sư viên tịch ở chùa tại Châu trị. Bấy giờ mọi người mới biết là Sư báo trước. Lúc đó trời oi nồng nóng bức, Sư ngồi ngay ngắn như lúc còn sống. Có mùi hương lạ khắp thành phố, suốt mấy ngày mới tan. Đồ chúng đón rước Thiên Khám về an táng trên gò Lư (Lư Sơn).

10. Thiên sư Đại Chí:

Sư họ Cố, người ở Cối kê. Sư xuất gia nương tổ Trí Giả, quyết

chỉ đến chỗ cao xa nên lấy đó đặt tên. Mỗi khi sư tụng kinh Pháp Hoa tiếng trong trẻo cao vút khiến người nghe quên mệt nhọc. Khi được nghe thiền yếu, Sư bèn đến ngọn Cam lộ ở Lô sơn tu hành nhiều hạnh. Sư ném mình vào cọp dữ, cọp liền chạy mất. Nếu trên núi hết gạo thóc thì trọn ngày Sư không ăn, hoặc khi được bánh trái hoa quả thì Sư chỉ ăn lấy no. Như thế suốt bảy năm thiền tụng mãi không dứt. Buổi vắng niên Sư về ở tại Phước lâm. Gặp năm Đại Nghiệp triều đình bài trừ Phật giáo. Sư mặc áo lụa trắng khóc trước tượng Phật suốt ba ngày thể bỏ thân mình để làm sáng tỏ chánh đạo. Sư bèn đến Đông đô dâng biểu lên vua tâu rằng: Mong bệ hạ cho hưng thịnh Tam bảo, Bần đạo xin đốt cánh tay để báo đền ân nước. Vua bằng lòng. Sư bèn tập hợp bảy chúng thiết đãi trai diên. Sư nhịn ăn ba ngày, lên gác cao, bó vải vào cánh tay, chế sáp làm đuốc, châm lửa đốt lên. Ánh sáng rực chiếu khắp đồng quê rừng núi, ai thấy cũng đều đau lòng. Nhưng sắc mặt Sư không hề biến đổi. Sư vẫn tán Phật tụng kinh và nói pháp cho chúng nghe tiếng không hề dứt. Khi thiêu xong Sư xuống lầu, về nhập định suốt bảy ngày, ngồi kiết già mà viên tịch. Sư có soạn bài Nguyên Văn được bảy mươi tờ. Chúng các chùa ở Lô sơn, tập hợp suốt đêm đều tụng bài nguyện văn này lấy làm đau xót.

11. Thiền sư Đạo Duyệt:

Sư họ Trương, người ở Chiêu khâu. Năm mười hai tuổi Sư đến Ngọc tuyền nương tổ Trí Giả mà xuất gia Sư lấy Đại Phẩm Bát-nhã và kinh Pháp Hoa làm khóa tụng hàng ngày. Lúc bấy giờ, chùa mới cất chưa có chuông khánh. Sư ra đầu suối nhặt được hòn đá lạ đem về treo lên, mỗi khi tụng kinh Sư gõ vào tiếng ngân trong trẻo người nghe đều thảng thốt. Đám người ở chốn u minh nhiều lần được điềm lành. Có kẻ bị bệnh thủy trưởng bụng to như cái trống, Sư chỉ niệm Bát-nhã cầu linh ứng. Một chiều nọ nước trong bụng vỡ ra bệnh liền hết. Vào thời Tùy Mạt có bọn hung tặc là Châu sáng dẫn bộ hạ lên núi. Sư ngồi ngay bất động bảo rằng: Hình hài huyễn hoặc này xin sẵn sàng nhận thêm một dao sắc. Bọn giặc kinh dị không dám phạm đến. Sư thường mặc áo gai, ngày ăn một bữa, lại dành một nửa cho chim thú. Có khi chim tụ tập đầy phòng hoặc bay đậu trên tay sư, vì lòng từ bi của Sư thấm đầy nên chúng không còn sợ hãi. Y phục Sư tuy xấu rách nhưng tuyệt nhiên không có chấy rận. Sư thường xin chấy rận về nuôi để khuyên người đừng giết hại. Sư ở trong núi suốt năm mươi năm tiết hạnh không đổi. Lúc sắp lâm chung Sư biết trước, giả biệt mọi người, liền ngồi ngay chấp tay mà thị tịch. Về sau có người thấy vị Tăng quỳ gối gõ bát ở

bên dòng Thanh Khê tự xưng là Bát-nhã Sư, vì Sư thường tụng kinh ấy. Người ta do đó gọi tên Sư.

12. Thiên sư Đẳng Quán:

Sư họ Tôn, người ở Phú dương, thọ học Tâm quán với tổ Trí Giả ở Thiên thai, Sư thường tụng kinh Pháp Hoa. Mùa Đông năm Trinh Quán thứ chín, chùa Pháp nhĩ ở Dư hàng mời Sư đến diễn giảng. Năm sau vào buổi sáng có vị mặc y phục Vương giả đến tự xưng là Thần ở miếu Cao đình tới yết kiến Sư, bảo rằng: Hôm qua Sư đi ngang qua triều đình đúng lúc đệ tử đang đi tuần du không kịp nghinh đón. Cho nên nay từ xa đến chỉ cầu được giới pháp. Sư liền dọn lư hương truyền cho Đại Giới Bồ-tát Thần liền tạ từ mà đi. Ngày hôm sau, vào giữa đêm Sư tắm gội và đắp y, ngồi kiết già quay mặt về hướng Tây niệm tên hiệu của ba Thánh và tổ Trí Giả mỗi thứ hơn trăm tiếng. Sư lại nói về pháp môn Tam quán cho Tuệ Pháp sư, vào bảo rằng: “Đây là ta đích thân thay lời Đại sư mà nói.” Nói xong liền viên tịch.

13. Thiên sư Bát-nhã:

Sư là người Cao Ly. Năm Khai Hoàng thứ mười sáu, Sư đến Phật lũng cầu học thiên pháp, chưa bao lâu Sư có chỗ chứng ngộ. Tổ Trí Giả gọi bảo: Ông có duyên với xứ này vậy nên ở chỗ yên vắng để tu diệu hạnh. Ngọn Hoa đánh cách đây sáu, bảy dặm là chỗ ngày xưa ta tu hạnh Đầu-đà, vậy hãy ở đó mà tiến tu đạo nghiệp, tất có ích lớn. Sư liền tuân theo lời Tổ dạy, ngồi tĩnh tọa mười sáu năm chưa hề xuống núi. Bỗng một hôm Sư lên chùa Phật lũng thấy có ba người đứng hầu chốc lát biến mất. Kế đó Sư xuống chùa Quốc thanh nói lời từ biệt với các bạn đồng tu và ở đó được vài hôm, không bệnh mà tịch. Khi đưa khám ra khỏi cửa chùa, Sư mở mắt cáo biệt. Lúc đến núi thì Sư nhắm mắt lại như cũ.

14. Thiên sư Lễ Tông:

Sư họ Tông người ở Cối kê. Lúc đầu Sư tham học với sư Trường Thọ thấu suốt thiên quán. Thọ bảo: “Ngọc quý to cả tắc đất dày ngàn nhận cũng không che được ánh sáng của nó.” Sau Sư đến gặp tổ Trí Giả học pháp môn Tâm quán được chỗ khế ngộ lớn. Có lần Sư viết chú Sở kinh Niết-bàn được người đương thời rất quý trọng. Năm Cảnh Long thứ ba (Đường Trung Tông), quan ngự sử Bằng Trung bỗng chết giấc, thấy có hai cậu bé dắt Sư đến trước pháp đình, phán quan xét lại sổ tội của Trung. Thấy người cậu đã chết là Trương Tư Nghĩa bảo rằng: “Cháu không hợp với hậu cung, có giặc loạn Việt ngậm theo báo thù. Vậy nên phát nguyện làm Sở giải Niết-bàn và đúc chuông thì sẽ tiêu hết tội trước. Sở là do Lễ Tông Thiên sư viết nên. Đây là Sư đích thân được tổ

Trí Giả truyền thụ cho, thường được Thiên thần bảo hộ.” Bằng Trung nghe theo lời cậu dạy bèn được trả về. Tìm bộ Sớ chưa được, lại bị âm ty trách phạt. Trung xin hẹn ba ngày tìm viết đủ, nhờ đó lại được tha về. Do lòng thành tìm kiếm, quả nhiên gặp được bản Sớ ấy bèn thực hiện ngay. Sau về già mới chết.

15. Thiên sư Pháp Hưởng:

Sư là người Dương châu. Năm mười sáu tuổi từ biệt song thân vào Đạo theo học với tổ Trí Giả. Đọc thông Pháp Hoa bèn lên ở chùa Thê hà cạnh bên Pháp hoa đường. Sư tu Tam-muội và được chứng ngộ nhưng im lặng không nói. Trong núi có hổ dữ mỗi ngày giết hại mấy người. Chúng bèn thiết lễ trai lớn để cầu nguyện. Chợt thấy một con hổ lớn xông vào đám đông vồ lấy một người mang đi. Sư lớn tiếng bảo: Hôm nay vì người mà thiết lễ trai vậy hãy thả người kia ra! Hổ liền để lại người ấy rồi chạy đi. Chốc lát có bầy hổ mấy mươi con tụ tập trước trai đàn, mọi người sợ bỏ chạy. Sư đến trước bầy hổ lấy gậy gõ vào cổ và nói pháp cho nghe. Từ đó trở đi bầy hổ tránh xa mất dạng.

16. Thiên sư Hành Giản:

Sư đích thân được tổ Trí Giả thế độ và thọ học thiên pháp, thường ngồi không nằm. Khi tổ Trí Giả ở chùa Ngọc tuyên bảo Sư đến Phong châu giáo hóa. Sư cỡi trâu về đến nửa đường gặp bọn cướp chém đầu Sư giứt trâu mà đi. Thấy Sư đang nằm trên đất bỗng ngồi dậy ôm đầu gấn vào cổ rồi chạy như bay rượt theo bọn cướp. Bọn cướp đều kinh dị trả lại trâu và cùng thề trọn đời sẽ làm người giúp việc Sư để tạ lỗi, nay là bọn điền nô ở trang trại, những kẻ có họ Hưởng là đám hậu duệ của họ.

17. Thiên sư Tuệ Oai:

Sư nương nhờ tổ Trí Giả học về Tâm Quán được nhanh chóng khai ngộ. Về sau nhận lời ủy thác của Tổ mà xây cất chùa Quốc thanh. Sư nỗ lực xây cất khá nhiều. Sư tu mật hạnh khác thường, người đời khó đoán biết được.

18. Thiên sư Pháp Tuấn:

Lúc đầu Sư ở Kim lăng đến gặp tổ Trí Giả, tu Pháp hoa Tam-muội, liền được ngộ nhập. Về sau Sư hoằng pháp ở Bích giản được nhiều người theo học quý kính. Đến ngày Sư viên tịch có Thiên nhạc vang rền trên không, hương trời bay tỏa khắp nơi. Đại chúng trông theo thấy Sư ẩn ẩn hiện hiện đi về hướng Tây.

19. Thiên sư Tuệ Tưởng:

Lúc đầu Sư ở chùa Hưng hoàng, đến gặp tổ Trí Giả học sâu về thiên định. Mỗi khi Sư tụng Pháp Hoa, người ta nghe thấy hương trời

đầy thốt, không phải là việc dễ có trên đời.

20. Thiên sư Tuệ Trù:

Sư đến tham học Tam quán với tổ Trí Giả. Sau Sư đến ở Nam nhạc, thường tụng Pháp Hoa và Hoa Nghiêm làm khóa tụng hàng ngày. Người ngoài có lần thấy Thiên thần đứng hầu ở hai bên Sư.

21. Thiên sư Đức Bảo:

Sư là người ở Đương dương, theo tổ Trí Giả học thiền pháp lâu ngày được khai ngộ. Sư tụng kinh Pháp Hoa có nhiều điềm linh ứng, cả mấy mươi dặm đều nghe có mùi hương lạ. Vua Tùy Dạng Đế rất kính trọng, ban cho hiệu là Đại Giác Thiên Sư. Thiên sư Đại Nhãn là bậc Chuyên đức ở đời Lương vào dưỡng đạo ở Tướng sơn. Lúc đó Sư cùng tổ Trí Giả nghỉ tập ở trong núi mà được đốn ngộ Thiên Tuệ, bèn khen rằng: Đây không phải do văn tự sinh ra mà chính là quán cơ, luận thông suốt về Bát-nhã. Không phải Độn cũng không phải Lợi. Lợi Độn là do Cơ, phong phú hợp thời đó là tướng của Lợi. Ao sâu thì hoa lớn Độn có thể được vừa ý (Trí Luận có câu: Thấy hai sức mạnh biết rộng to. Nhìn thấy ao sâu biết hoa lớn). May mắn có được ánh sáng dư đâu chẳng tự mừng ư?

22. Thiên sư Tuệ Biện:

Sư có tư chất thông minh, nghe tổ Trí Giả diễn khai Đạo Tam Quán thâm ghi không sai sót, như rót nước vào bình không để rơi ra một giọt. Về sau ở tại Phật Lũng Sư giảng biệt đại chúng rồi chất gỗ thành đàn tự châm lửa mà thiêu thân để báo đáp ân đức của Phật. Khói tỏa quanh như một cụm rừng. Hài cốt Sư kết thành xá-lợi.

23. Thiên sư Đạo Thế:

Thuở nhỏ Sư cậy mình tài giỏi tham khảo khắp các bậc trí thức. Phàm vào nhà ai đều không phục họ, phàm ai đã chứng ngộ đều đến tham học. Kịp khi gặp tổ Trí Giả ở Ngọc tuyên mở nói về Chỉ Quán thì Sư được diệu ngộ nhanh chóng.

24. Thiên sư Tuệ Thao:

Sư nghe tổ Trí Giả nói pháp liền nhập Thâm Định. Mỗi lần nhập định suốt cả tuần nhật (mười ngày) coi đó là việc bình thường. Chỗ Sư ban đêm thường có ánh sáng lạ.

25. Thiên sư Tuệ Phổ:

Sư sớm gần gũi với tổ Trí Giả, nghe hiểu sâu xa Thiên Pháp, thường tu Pháp hoa Tam-muội, chiêm cảm được Đức Phổ Hiền cõi Bạch Tượng phóng quang chiếu vào thân, Sư bỗng được ngộ nhập.

26. Thiên sư Pháp Thạnh:

Lúc đầu Sư đến Ngọc tuyên gặp tổ Trí Giả thọ học Pháp Yếu, sớm tối không lìa bỏ thiền định. Sau Sư đích thân thọ học quán Tâm Luận nên được thâm ngộ huyền chỉ. Khi tổ Trí Giả viên tịch rồi thì Sư ở tại Ngọc tuyên giáo hóa rất thành hành.

Thời đầu nhà Đường, Sư vào kinh sư, mỗi khi thuyết pháp thì miệng phóng ra ánh sáng, bốn chúng đều kính ngưỡng coi như Phật sống. Triều đình tôn quý đạo đức của Sư ban hiệu là Ngộ Chân Thiền Sư.

27. Thiền sư Pháp Luận:

Sư nương học ở Ngọc tuyên. Sư cùng các vị Cối kê Trí Giả, Chung Nam, Long Điền, Pháp Lâm đều là đệ tử đồng học với tổ Trí Giả và cùng tổ Trí Giả viết truyện, nay đều không còn. Biệt truyện của ngài Chương An soạn thì dùng bản của Quốc Thanh Trí Tịch Thiền sư rồi dần dần thêm nhiều hơn và được lưu hành ở đời. Cả bốn Sư này không có sự tích chi đáng tìm hiểu, nhưng các ngài cũng đều là bậc anh tài đặc đạo thời ấy cả (thấy trong tựa của Bách Lục và Biệt Truyện Chú).

28. Thiền sư Kinh Thiệu:

Sư họ Nhan, người ở Thượng Ngu Cối kê. Lúc đầu Sư ở chùa Bạch mã hoàng hóa suốt mười năm. Khi tổ Trí Giả ở Ngõa quan thì Sư đích thân đến cầu học và được thâm nhập định tuệ. Đời Trần, tháng mười năm Chí Đức thứ nhất, Sư viên tịch ở chùa Khai thiện tại Chung sơn.

29. Thiền sư Tăng Trân:

Sư hầu tổ Trí Giả có hạnh giải sâu xa nổi tiếng. Lúc đầu Sư ở tại chùa Thắng quang ở Kinh Sư. Đời Đường năm Võ Đức thứ tư (Đường Cao Tổ) Sư chọn lấy cảnh danh thắng ở tại hai châu Đông và Hoa. Triều đình cử Sư đến ở tại chùa Tuệ nhật, bấy giờ gọi đây là Đường Luận (Phật Đạo Luận Hành).

30. Đời Trần Hoàng Thái tử là Uyên:

Ngài là con của Trần Hậu Chủ. Vào ngày rằm tháng giêng năm Chí Đức thứ tư, ở điện Sùng chính có thiết trai cúng dường một ngàn Tăng, thỉnh Đại sư truyền giới Bồ-tát (Bách Lục nói văn thỉnh giới thì tên là Uyên, còn Nam sử nói tên Thâm. E là khi thỉnh giới nên đổi tên này chăng?). Trong bài Văn Thỉnh Giới có nói: “Trọng Đạo tôn sư xưa nay còn chuộng, xin đời đời kết duyên cho thỏa ý nguyện.” Ngày truyền giới truyền hương cầm tay thì dưới má có ấn lệ. Sư đặt tên là Thiện Manh (mầm lạnh) và sau này Trần bị Tùy đánh bại thì mới biết được ý nghĩa của ấn lệ đó là lời sấm nói về mình bị tổn thương. Còn tên Thiện Manh là ý nói không nên tài cán gì. Tháng giêng năm Trinh

Minh thứ ba thì Tùy đánh bại Trần, binh sĩ gõ cửa nách mà vào. Lúc đó Thái tử mới mười lăm tuổi ngồi yên mà ủy lạo bảo rằng: Binh lính ở giữa đường cũng không khổ nhọc đến nỗi này! Ba tháng sau theo Hậu Chủ vào nước Tùy không biết sống chết ra sao.

31. Đời Trần, Vĩnh Dương Vương là Bá Trí:

Ông tự là Sách Chi, là con thứ tám của Văn Đế. Năm Chí Đức thứ nhất ông ra làm thứ sử Đông dương thỉnh Đại sư ra thị trấn khai giảng. Phải viết thư đến ba lần Sư mới đến, Vương và con là Tràm cùng người nhà đều xin thọ giới Bồ-tát và xin được thân nhận làm đệ tử. Ngày thì nghe giảng thuyết, đêm thì tọa thiền. Việc diễn giảng sắp xong, Sư bèn đặt pháp danh cho Vương là Tĩnh Trí, rồi Vương viết sớ văn, lập đại hội, độ người xuất gia và đúc tượng Bồ-tát. Trong sớ văn có câu: “Nguyện đời đời kiếp kiếp xin cùng Xà-lê Thiên thai và chúng đạo tục nghe giảng, luôn kết thành bạn lành đồng hướng về Nhất thừa (Phật Quả). Sư bảo môn nhân là Trí Việt rằng: Ta muốn khuyên Vương tu phước trừ họa. Việt thưa: Phủ Liêu không phải như triều cũ, có thể đối xử đậm nhạt không đồng, Sư bèn thôi. Sau đó Vương xuất du, bị té ngựa sắp chết. Sư dẫn chúng đến hành lễ Quan Âm Sám Pháp. Vương tỉnh đôi chút tựa ghế mà ngồi, chợt thấy có vị Phạm Tăng tay bưng lư hương đi nhiều quanh Vương một vòng, mùi hương phảng phất, các đau đớn liền hết.

32. Trần Châm:

Ông là anh của tổ Trí Giả, làm Trung Bình Tham Quân của Tấn An Vương nhà Lương. Năm bốn mươi tuổi, có Tiên nhân là Trương Quả xem tướng ông bảo rằng: “Sẽ chết trong tháng này.” Sư dạy nên tu Sám Phương Đẳng. Trần Châm thấy ở cửa Thiên đường có bảng đề: “Nhà của Trần Châm, mười lăm năm sau sẽ sinh về đây.” Về sau Trương Quả gặp lại Châm, kinh hãi hỏi rằng: Ngài uống thuốc gì? Đáp: Chỉ tu Sám thôi. Trương Quả bảo: Nếu không nhờ đạo lực thì đâu thể thoát chết được! Bèn sống thêm mười lăm năm nữa mới chết. Sư Trí Giả có soạn cho ông bộ Tiểu Chỉ Quán, ông học hỏi tu tập sớm tối không trễ nải.

33. Tưởng Thiêm Mân:

Làm quan Thái Trung Đại Phu cùng Ngô Minh Triệt chức Nghi Đồng Công... đều là hàng quý trọng của Triều Trần. Đồng học pháp Quán hơi thở, tập lâu không lười nhác, trí sáng được ngưng lặng. Tuy xưa bị khổ vì bệnh phong thấp nhưng cũng được lành.

34. Trâm Quân Lý:

Tự là Trọng Luân, người ở Ngô hưng. Ông cưới con gái của Trần

Võ Đế là Cối kê trưởng công chúa chức Nghi Đồng. Ông thọ giới Bồ-tát với Đại sư, viết ra lời Sở thỉnh Sư khai giảng Pháp Hoa Kinh Đề ở Ngõa quan. Vua Tuyên Đế ra lệnh bãi Triều một ngày để quần thần đến nghe giảng. Khi ấy quan Lộc Vương là Cố, Thị Trung Khổng Hoán, Thượng Thư Mao Hỷ, Bộc Xạ Chu Hoàng Chánh đều thọ nhận giới hương, cùng nghe giảng diệu pháp nhưng vẫn xin trọn một mùa hạ được nghe giải thích về huyền nghĩa. Cả đạo tục đều cùng hội họp, số người được khai ngộ rất đông (Diệu Huyền nói: “Chín tuần đàm diệu” tức là lúc này vậy).

35. Từ Lăng:

Tự là Hiếu Mục, người ở Đông viêm. Mẹ họ Tang mộng thấy mây ngũ sắc hóa thành chim phụng tập họp đậu trên vai trái rồi sinh ra ông. Vừa lên mấy tuổi Lăng được gia nhân dắt đến hầu Sa-môn Bảo Chí, ngài xoa đỉnh đầu ông nói rằng: “Đây là đá Kỳ lân ở trên trời!” Vân Pháp sư ở Quang trạch thấy Lăng khen rằng: “Cùng loại với Nhan Hồi đấy.” Năm lên tám tuổi, Lăng thuộc loại giỏi văn thơ, là quan Thiệu Sĩ ở nước Lương. Trong khoảng năm Đại Kiến nhà Trần, ông làm quan đến chức Thượng thư tả bộc xạ. Có lần mộng thấy cha mình bảo rằng: “Thiền sư Trí Giả là bậc Tông phạm lâu đời của ta, con nên một lòng tôn thờ.” Lăng tuân lời mách bảo của cha hết lòng kính ngưỡng. Học không kể thời gian, lạy không nệ ướt át. Mỗi khi làm văn viết số thì rửa tay đốt hương, đội mũ, mang đai, lễ ba lạy, nín thở mở thư đọc văn trân trọng. Khi Nghi Đồng Trầm Quân Lý thỉnh Sư khai giảng Pháp Hoa thì Lăng đến dự nghe cho là tuổi già được nghe diệu lý, làm thư tự mừng. Về sau đến trước Đại sư Trí Giả làm bài Sở phát năm nguyện nói rằng: Đệ tử nghĩ rằng muốn ra khỏi lưới trần nào phải do cánh mà thoát được. Vì thiện căn yếu kém nên cần phải có nguyện lực để trang nghiêm:

1. Nguyện khi lâm chung có được chánh niệm.
2. Nguyện không sanh tam đồ.
3. Nguyện được thác sinh làm người là nơi không cao không thấp.
4. Nguyện được xuất gia từ bé trì giới đúng pháp.
5. Nguyện không làm hạng Tăng tầm thường.

Căn cứ vào tâm nguyện này để cố gắng hướng về Tây Phương Cực Lạc (hai thư thấy trong Bách Lục). Về sau quả nhiên hậu thân của Lăng là tổ Pháp Hoa thứ sáu, nối ngôi ngài Chương An. Lúc Trần Hậu Chủ ở Đông cung có mời Lăng giảng Đại Phẩm. Các nghĩa học danh Tăng từ xa đều đến vân tập. Khi nhà Trần bị Tùy phá, ông thường theo

tổ Trí Giả nghiên cứu tinh thông pháp yếu. Khi Tấn Vương xin Tịnh Danh Nghĩa Sớ thì Đại sư Trí Giả tiếp tục soạn ra hai mươi tám quyển, Lăng và Liễu Cổ Ngôn cũng đóng góp về văn và nghĩa trong đó.

36. Vương Cổ:

Ông tự là Tử Kiên. Đời Trần, năm Quang Đại thứ nhất, ông làm quan Thị Trung được phong làm Kim Tử Quang Lộc Đại phu. Trọn đời ông không ăn mặn, đêm thì ngồi thiền ngày thì tụng đọc kinh Phật. Có lần ông đi dâng tặng lễ nước Ngụy được đãi yến tiệc, ông xin tha giết một dê. Con dê liền đến trước ông quỳ lạy như để tạ ân. Lại trong yến tiệc ở ao Côn minh, vua Ngụy cho là người phương Nam thích cá nên cho giăng lưới rộng khắp, ông quyết dùng phép Phật ngậm cấm, quả nhiên không bắt được một con cá nào. Khi Đại sư Trí Giả giảng kinh Pháp Hoa ở Ngõa quan ông đến dự pháp hội liền được khai ngộ ngay sáng tỏ như được học từ lâu.

37. Liễu Cổ Ngôn:

Ông Pháp danh Chánh Thiện, người ở Hà đông. Khi Tấn Vương mới thọ giới Bồ-tát sai Cổ Ngôn dâng lễ vật cho Sư Trí Giả. Và nhiều lần vâng lệnh Vương, ông bèn đến ở với ngài Trí Giả, nhiều phen nghe được pháp yếu nên được khai ngộ sâu sắc. Khi tổ Trí Giả từ Giang Lăng trở về thì Tấn Vương lại xin theo học thiền pháp. Sư Trí Giả nhân đó soạn quyển đầu của Bộ Tịnh Danh Nghĩa Sớ. Cổ Ngôn và Từ Lăng có góp thêm văn nghĩa. Về sau ngài Trí Giả tiếp soạn xong bộ Huyền Nghĩa mười quyển, Cổ Ngôn đáp thư rằng: “Khi đem đến Cung Nhân Thọ Vương đọc đi đọc lại tám lần thì các nghi bình thường đều dứt nhưng các mù mờ vi tế vẫn còn”. Sư bèn sửa mới có sáu quyển, hợp với văn kia thành tám cuốn. Vì sửa mới chưa xong bởi quá ít thời gian tìm xét nghiên ngẫm. Nay sai sứ là Tiêu Thông Quốc đến tham hỏi ý của sách để tự chọn hiểu. Cổ Ngôn nhiều phen được cố vấn. Mỗi lần đáp cho là Đại sư chắc đến, nên xin ở hết mùa hạ để tiện việc thuyền ghe. Nhờ đó mà buổi tàn niên ông hết lòng tu học, sám hối lỗi biếng lười ngày xưa. Mùa Đông năm Đại Nghiệp thứ nhất. Vua Tùy Dạng Đế sắc lệnh cho Cổ Ngôn dựng bia cho tổ Trí Giả ở tại chùa Quốc thanh thiên thai, gọt lời chọn lý ai cũng thán phục công trình. Ông làm quan đến chức Nghi Đồng Tam Ty.

38. Mao Hỷ:

Ông tự Bá Phụ, người ở Dương võ. Thuở nhỏ rất hiếu học, giỏi về chữ Thảo và chữ Lệ. Thời Trần Tuyên Đế, ông làm đến chức Ngũ binh thượng thư. Khi ngài Trí Giả mở pháp hội ở Ngõa quan thì ông được làm chúng dự thính. Ông khẩn cầu thiền yếu và đích thân xin làm đệ tử của

sư Trí Giả, thọ học Lục Diệu Môn và Tứ Thập Nhị Pháp Môn, suốt ngày đêm nghiên cứu tu tập không vì công việc mà bỏ qua. Đại sư Trí Giả ở tại Thạch tượng muốn đến Thiên thai để xây cất đạo tràng. Ông viết thư khuyên Sư nên trở về, cho rằng ngọn Chung lãnh ở Nhiếp sơn cũng đủ chỗ gởi tâm. Nhưng Đại sư đã có chí nguyện nên khó thể ngăn được.